

Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 40 ra ngày 04/10/2021

Trong số này:

Trang

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN	2
TRUNG TÂM THÔNG TIN	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN.	4
CÔNG NGHIỆP VÀ	TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU	5
THƯƠNG MẠI -	<i>Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Nhật Bản giảm tháng thứ 2 liên tiếp</i>	<i>5</i>
BỘ CÔNG THƯƠNG	<i>Xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ tăng nhanh trong giai đoạn năm 2016 – 2020 và 8 tháng đầu năm 2021</i>	<i>9</i>
Phòng Thông tin	<i>Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần.....</i>	<i>13</i>
Xuất nhập khẩu	<i>Nhập khẩu gỗ thông tăng mạnh 88,6% về lượng</i>	<i>15</i>
<i>655 Phạm Văn Đồng –</i>	<i>Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần.....</i>	<i>17</i>
<i>Bắc Từ Liêm – Hà Nội</i>	<i>Sau 15 tháng tăng liên tiếp, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm trong tháng 9/2021 giảm so với cùng kỳ năm trước</i>	<i>20</i>
Bộ phận biên tập:	<i>Xuất khẩu hàng gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ.....</i>	<i>23</i>
<i>Tel: (024) 22192875</i>	THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....	25
<i>Phụ trách nội dung</i>	<i>Trung Quốc gia hạn miễn thuế đối với gỗ cứng nhập khẩu từ Mỹ đến tháng 4/2022</i>	<i>25</i>
<i>ĐD: 0986836889</i>	<i>Đức tăng mạnh xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong 7 tháng đầu năm 2021</i>	<i>26</i>
Bộ phận tư vấn thông tin	THAM KHẢO	27
và phát hành:	<i>Cảnh báo doanh nghiệp xuất khẩu về đối tác Benin tại Dubai</i>	<i>27</i>
<i>Tel: (024) 37152586</i>	<i>Hướng dẫn nộp C/O để áp dụng mức thuế ưu đãi.....</i>	<i>28</i>
<i>(024) 37152585</i>		
<i>(024) 37152584</i>		
<i>Fax: (024) 37152574</i>		

Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.
Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

1. Kinh tế thế giới

Tuần qua, diễn biến dịch Covid-19 trên toàn cầu tiếp tục có những tín hiệu tích cực với số ca nhiễm bệnh liên tục giảm mạnh. Trong bối cảnh này, hàng loạt quốc gia trên thế giới đã nới lỏng các biện pháp phòng dịch, thậm chí dần mở cửa trở lại và triển khai kế hoạch sống chung với đại dịch, hướng tới kế hoạch khởi động lại các hoạt động thương mại, du lịch và dịch vụ trên toàn cầu. Mặc dù diễn biến này được kỳ vọng sẽ tác động tích cực đến kinh tế toàn cầu trong những tháng tiếp theo, nhưng nhìn chung tại thời điểm này các hoạt động kinh tế trên thế giới vẫn đang đối mặt với rất nhiều sức ép đến từ những ảnh hưởng của dịch Covid-19, trong khi nguy cơ suy thoái toàn cầu quay trở lại vẫn đang hiện hữu, hoạt động logistics gặp nhiều khó khăn và giá cước vận tải, năng lượng, hàng hóa vẫn trên đà tăng cao.

Tại Mỹ, các số liệu mới công bố tuần qua cho thấy nền kinh tế hàng đầu thế giới vẫn đang trong xu hướng hồi phục, tuy nhiên tốc độ hồi phục của một số lĩnh vực đã chậm lại so với kỳ vọng trước đó. Trên thị trường bất động sản, doanh số bán nhà mới của Mỹ trong tháng 8/2021 tăng 1,5% so với tháng trước lên 740 nghìn căn, đánh dấu tháng tăng thứ 2 liên tiếp, nhưng vẫn giảm 24,3% so với cùng kỳ năm 2020. Doanh số nhà chờ bán trong tháng 8/2021 cũng tăng 8,1% so với tháng trước, cải thiện rõ rệt so với mức giảm 1,8% trong tháng 7/2021. Hiện thị trường bất động sản Mỹ đang được hỗ trợ bởi các gói kích thích kinh tế cộng với lãi suất được duy trì ở mức thấp. Trong lĩnh vực sản xuất, số lượng đơn đặt hàng hàng hóa lâu bền trong tháng 8/2021 của Mỹ tăng 1,8% so với tháng trước, mạnh hơn so với dự kiến tăng 0,7% trong bối cảnh hoạt động đầu tư và tiêu dùng tăng nhanh. Tuy nhiên, nếu trừ lĩnh vực vận tải thì số đơn đặt hàng lâu bền chỉ tăng 0,2%, thấp hơn so với mức kỳ vọng tăng 0,5% trước đó.

Mặc dù kinh tế Mỹ vẫn đang ghi nhận những tín hiệu khá tích cực, nhưng trước diễn biến khó lường của kinh tế toàn cầu cũng như những rủi ro kinh tế nước này có thể đối mặt sau khi mở cửa trở lại sau đại dịch, chỉ số niềm tin tiêu dùng tại Mỹ theo tính toán của Conference Board trong tháng 9/2021 bất ngờ suy yếu xuống mức thấp nhất kể từ tháng 2/2021, chỉ đạt 109,3 điểm, giảm so với mức 115,2 điểm trong tháng 8/2021 và mức kỳ vọng 114,5 điểm trước đó.

Tại Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ nhì thế giới đang đối mặt với cuộc khủng hoảng về điện trên diện rộng, có nguy cơ làm chậm tăng trưởng kinh tế và đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu ngay trước mùa mua sắm cuối năm. Tính đến cuối tháng 9/2021, ít nhất 20 tỉnh tại Trung Quốc đã buộc phải hạn chế sử dụng điện, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của hàng loạt doanh nghiệp. Trong bối cảnh này, theo số liệu của Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc, chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc trong tháng 9/2021 chỉ đạt 49,6 điểm, giảm so với mức 50,1 điểm trong tháng 8/2021 và khiến hoạt động sản xuất nước này suy thoái lần đầu tiên kể từ tháng 2/2020 - thời điểm Trung Quốc chịu cú sốc lớn từ đại dịch Covid-19. Trong đó, chỉ số đơn hàng mới trong tháng 9/2021 đã giảm xuống còn 49,3 điểm, thấp hơn so với mức 49,6 điểm của tháng 8/2021 và đánh dấu tháng thứ hai liên tiếp dưới ngưỡng 50 điểm. Chỉ số đơn hàng xuất khẩu cũng tiếp tục giảm sâu xuống 46,2 điểm từ mức 46,7 điểm trong tháng 8/2021.

Tuy nhiên, chỉ số PMI trong lĩnh vực phi sản xuất phục hồi trở lại, đạt 53,2 điểm trong tháng 9/2021, bật tăng so với mức 47,5 điểm trong tháng 8/2021 nhờ vào việc Trung Quốc đã nhanh chóng kiểm soát được sự bùng phát của đại dịch Covid-19.

Trong bối cảnh kinh tế Trung Quốc đối diện với thách thức, sức ép ngày một lớn, đến từ đà suy yếu trên thị trường bất động sản và khủng hoảng thiếu điện gây khó khăn cho sản xuất trong nước, trong báo cáo mới nhất, Goldman Sachs đã hạ dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc năm 2021 xuống còn 7,8% từ mức 8,2%.

Tại Nhật Bản, xu hướng trì trệ của nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới tiếp tục diễn ra, thể hiện ở số liệu vĩ mô kém khả quan trong hầu hết các lĩnh vực quan trọng. Trong tháng 8/2021, sản lượng công nghiệp của Nhật Bản tiếp tục giảm 3,2% so với tháng trước đó, mạnh hơn so với mức giảm 1,5% trong tháng 7/2021 và mức kỳ vọng giảm 0,5% trước đó trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát ở nhiều nước châu Á đã làm gián đoạn chuỗi cung ứng cho các nhà sản xuất ô tô - vốn đã phải đối mặt với tình trạng thiếu chip kéo dài. Ngoài ra, doanh số bán lẻ của Nhật Bản trong tháng 8/2021 cũng giảm 3,2% so với cùng kỳ năm trước, yếu hơn so với mức kỳ vọng chỉ giảm 1% và đánh dấu mức sụt giảm đầu tiên của chỉ số này trong 6 tháng gần đây. Với diễn biến này, nhiều khả năng GDP của Nhật Bản trong quý III/2021 không tăng trưởng hoặc thậm chí quay lại xu hướng suy giảm.

II. Kinh tế trong nước

Những số liệu kinh tế vĩ mô mới được công bố cho thấy rõ nét những ảnh hưởng nặng nề của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 tới tất cả các lĩnh vực quan trọng của kinh tế trong nước. Theo đó, lần đầu tiên GDP hàng quý ghi nhận mức tăng trưởng âm, hoạt động sản xuất công nghiệp giảm ở cả lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo và lĩnh vực khai khoáng, ngành du lịch bị đóng băng, nhiều doanh nghiệp phải đối mặt với nguy cơ phá sản, nhu cầu tiêu dùng sụt giảm, nhiều chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế bị đứt gãy do các đợt giãn cách liên tiếp, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong tháng 9/2021 có sự sụt giảm nghiêm trọng cả về số lượng và số vốn đăng ký...

Theo đó, GDP trong quý III/2021 ước tính giảm tới 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý đến nay. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng và khu vực dịch vụ giảm rất sâu, lần lượt giảm 5,02% và giảm 9,28%. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, GDP chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,52%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,57%, đóng góp 98,53%; khu vực dịch vụ giảm 0,69%, làm giảm 22,05%.

Trong lĩnh vực sản xuất, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong quý III/2021 giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số IIP vẫn tăng 4,45% so với cùng kỳ năm 2020 nhờ lực kéo của ngành chế biến chế tạo với mức tăng 6,05% so với cùng kỳ năm trước.

Trong lĩnh vực tiêu thụ, việc nới lỏng giãn cách tại một số địa phương cuối tháng 9/2021 giúp nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ được phép hoạt động trở lại, góp phần quan trọng đưa tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9/2021 tăng 6,5% so với tháng trước, nhưng vẫn giảm 28,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm 7,1%, giảm sâu hơn so với mức giảm 0,7% cùng kỳ năm trước.

Hoạt động sản xuất và tiêu thụ gặp khó cộng với hàng loạt sức ép về nguồn cung, hoạt động vận chuyển và chi phí đầu vào tăng cao đã khiến số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong tháng 9/2021 giảm tới 62,2% so với tháng 9/2020. Tính chung tổng số doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng đầu năm 2021 giảm 13,6% so với cùng kỳ năm trước, trong khi số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tăng 15,3%.

Tuy nhiên, điểm sáng là các yếu tố nền tảng khác vẫn trong giai đoạn ổn định, đặc biệt là thanh khoản của hệ thống ngân hàng và lạm phát vẫn được kiểm soát ở mức thấp. CPI trong 9 tháng đầu năm 2021 chỉ tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016 đến nay. Với sự thay đổi trong chiến lược chống Covid-19 của Chính phủ và khả năng tiến tới mở cửa trở lại từng phần và cách ly theo vùng hẹp trong thời gian tiếp theo, dự kiến hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ sớm được khôi phục ngay trong quý IV/2021.

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

TRONG NƯỚC:

- Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Nhật Bản trong tháng 9/2021 đạt 90 triệu USD, giảm 17% so với tháng 9/2020. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, ước đạt 1,02 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020. Do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Nhật Bản giảm tháng thứ 2 liên tiếp. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Nhật Bản sẽ khả quan hơn nhờ việc nới lỏng giãn cách của Chính phủ tại nhiều địa phương.
- Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng bình quân là 17,25%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020. Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ của Việt Nam đã đạt và vượt kế hoạch đề ra bất chấp ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 bùng phát mạnh. Tiếp đà tăng trưởng trong năm 2020, trong 8 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ vẫn tăng trưởng rất khả quan bất chấp tình hình dịch bệnh diễn biến khó lường tại thị trường trong nước, nhờ kết quả xuất khẩu trong nửa đầu năm bứt phá. Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 7,25 tỷ USD, tăng 48,2% so với cùng kỳ năm 2020.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần đạt 174 triệu USD, giảm 2,1% so với tuần trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ với kim ngạch đạt 98,2 triệu USD, giảm 0,2% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê, nhập khẩu gỗ thông của Việt Nam tháng 9/2021 ước đạt 123,9 nghìn m³, trị giá 32,8 triệu USD, tăng 4,4% về lượng và tăng 1,9% về trị giá so với tháng 8/2021; so với tháng 9/2020 tăng 49,4% về lượng và tăng 78,4% về trị giá. Tính chung, 9 tháng đầu năm 2021 nhập khẩu gỗ thông ước đạt 1,132 triệu m³, trị giá 267,3 triệu USD, tăng 83,0% về lượng và tăng 103,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.
- Trong tuần từ ngày 21/9/2021 đến 28/9/2021, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 45,3 triệu USD, giảm 18,0% so với tuần trước.
- Tháng 9/2021, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên cả nước đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Ước tính, sau 15 tháng tăng liên tiếp, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm trong tháng 9/2021 giảm so với cùng kỳ năm trước, đạt 50 triệu USD, giảm 9,0% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm đạt 631,58 triệu USD, tăng 50,3% so với cùng kỳ năm 2020.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ từ ngày 14/9/2021 đến 27/9/2021, đạt 3,84 triệu USD, tăng 24,2% so với kỳ trước (từ 01/9/2021 – 14/9/2021).

QUỐC TẾ:

Mỹ: Theo Hội đồng Xuất khẩu Gỗ cứng Mỹ và Hiệp hội Gỗ cứng Mỹ (NHLM), việc miễn thuế đối với gỗ tròn và sản phẩm gỗ của Mỹ xuất khẩu tới Trung Quốc ban đầu dự kiến kết thúc vào ngày 17/9/2021, đã được gia hạn đến ngày 16/4/2022.

- **Đức:** Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Đức là thị trường xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 5 thế giới, trong giai đoạn năm 2016 - 2020, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Đức tăng trưởng bình quân 1,1%/năm, với kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt 4,9 tỷ USD/năm.

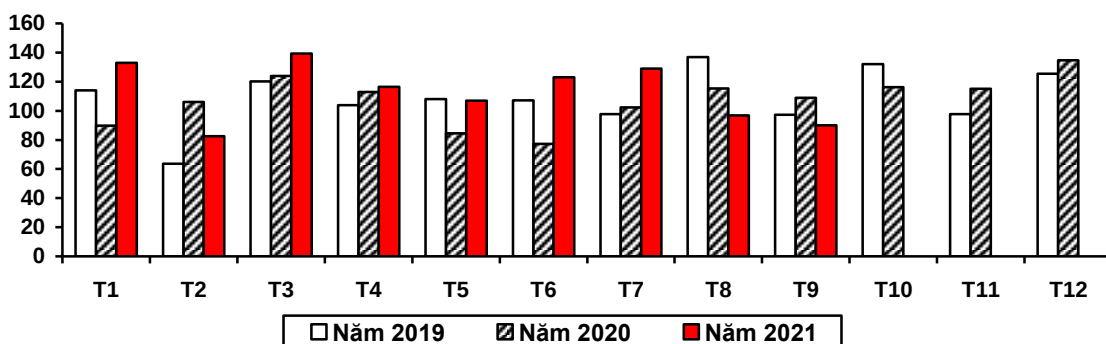
TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Nhật Bản giảm tháng thứ 2 liên tiếp

Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Nhật Bản trong tháng 9/2021 đạt 90 triệu USD, giảm 17% so với tháng 9/2020. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, ước đạt 1,02 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2020. Do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Nhật Bản giảm tháng thứ 2 liên tiếp. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Nhật Bản sẽ khả quan hơn nhờ việc nới lỏng giãn cách của Chính phủ tại nhiều địa phương.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Nhật Bản trong tháng 8/2021 đạt 96,2 triệu USD, giảm 17,2% so với tháng 8/2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Nhật Bản đạt 931,4 triệu USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Việt Nam xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Nhật Bản giai đoạn 2019 - 2021 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan- số liệu tháng 9 ước tính

Đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng chính xuất khẩu tới thị trường Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 341,2 triệu USD, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 36,6% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Trong đó, hầu hết các mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ đều có kim ngạch xuất khẩu tăng trong 8 tháng đầu năm 2021, trừ mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ. Dẫn đầu là kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 91,98 triệu USD, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2020; tiếp theo là mặt hàng ghế khung gỗ đạt 81,3 triệu USD, tăng 7,2%; đồ nội thất phòng ngủ đạt 63,9 triệu USD, giảm 16,2%...

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng dăm gỗ là mặt hàng xuất khẩu lớn thứ 2 trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường Nhật Bản đạt 325,3 triệu USD, tăng 25,9% so với cùng kỳ năm 2020; tiếp theo là gỗ, ván và ván sàn đạt 117,3 triệu USD, tăng 27,1%...

Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng vẫn cao hơn dự báo dù chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi tình hình và các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19. Theo báo cáo của Chính phủ Nhật Bản, kinh tế nước này ghi nhận mức tăng trưởng 1,9% trong Quý II/2021, cao hơn mức dự báo 1,6% trước đó. Động lực chính được cho là nhờ tiêu dùng và sản lượng đầu ra của doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất chế tạo, giúp bù đắp tình trạng sụt giảm doanh số của doanh nghiệp ngành dịch vụ. Đồ nội thất bằng gỗ là một trong những mặt hàng Nhật Bản tăng nhu cầu tiêu thụ. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Nhật Bản, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 540 nghìn tấn, trị giá 173,8 tỷ Yên (tương đương 1,55 tỷ USD), tăng 9,7% về lượng và tăng 12,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, Nhật Bản tăng mạnh nhập khẩu đồ nội thất văn phòng và mặt hàng đồ nội thất nhà bếp trong 8 tháng đầu năm 2021. Do trong thời gian giãn cách nhu cầu ở nhà nhiều hơn, nên người tiêu dùng Nhật Bản có xu hướng tăng mua các sản phẩm nội thất văn phòng dùng trong gia đình, cải tạo lại không gian nội thất nhà bếp. Trung Quốc và Việt Nam là hai thị trường cung cấp chính đồ nội thất bằng gỗ cho Nhật Bản trong 8 tháng đầu năm 2021. Trong đó, lượng nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm 47,8% tổng lượng nhập khẩu và Việt Nam chiếm 25,4% tổng lượng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản.

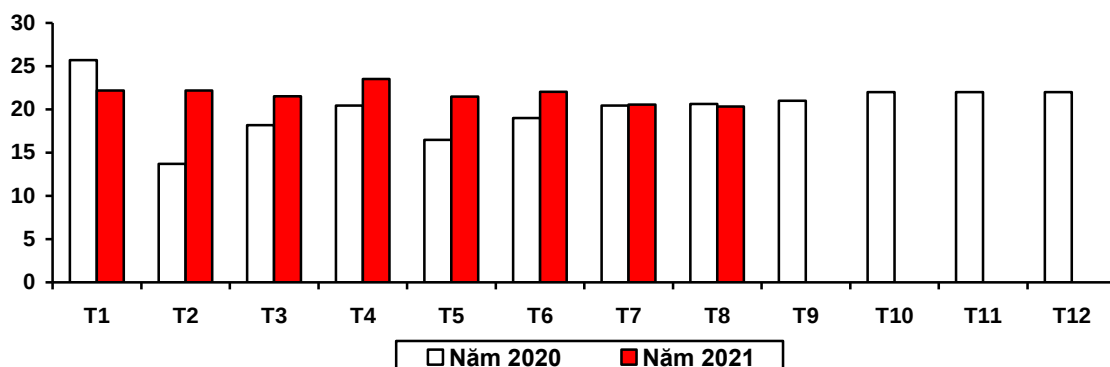
Việc nỗ lực kiểm soát dịch bệnh và tiêm vaccine của Chính phủ, cùng với việc tận dụng tối đa lợi thế từ Hiệp định CPTPP của các doanh nghiệp trong ngành gỗ, sẽ thúc đẩy xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong những tháng cuối năm 2021 tăng trưởng khả quan.

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Tháng 8/2021 (nghìn USD)	So với tháng 8/2020 (%)	8 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 8 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	96.194	-17,2	931.446	13,7	100,0	100,0
Đồ nội thất bằng gỗ	26.345	-48,0	341.205	1,2	36,6	41,2
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	3.860	-67,1	91.983	6,9	9,9	10,5
Ghế khung gỗ	6.125	-44,4	81.341	7,2	8,7	9,3
Đồ nội thất phòng ngủ	4.480	-60,1	63.884	-16,2	6,9	9,3
Đồ nội thất nhà bếp	5.984	-24,3	53.106	0,7	5,7	6,4
Đồ nội thất văn phòng	5.896	-33,1	50.892	9,9	5,5	5,7
Dăm gỗ	39.970	12,3	325.301	25,9	34,9	31,5
Gỗ, ván và ván sàn	14.231	48,6	117.274	27,1	12,6	11,3
Cửa gỗ	84	-17,8	895	-11,6	0,1	0,1
Đồ gỗ mỹ nghệ	0	-100,0	681	-31,4	0,1	0,1
Khung gương	8	329,2	10	-80,9	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản giai đoạn 2020 - 2021
(ĐVT: Tỷ Yên)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Mặt hàng đồ nội thất gỗ Nhật Bản nhập khẩu tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng (mã HS)	Tên hàng	8 tháng năm 2021			So với 8 tháng năm 2020 (%)		Tỷ trọng theo lượng 8 tháng (%)	
		Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn Yên)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2021	Năm 2020
Tổng		540.319	173.831.179	1.552.757	9,7	12,7	100,0	100,0
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	314.647	88.237.581	788.187	11,1	13,9	58,2	57,5
940161 + 940169	Ghế khung gỗ	98.655	52.637.265	470.185	4,9	9,8	18,3	19,1
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	85.727	18.915.858	168.967	6,6	8,5	15,9	16,3
940340	Đồ nội thất nhà bếp	32.504	11.620.622	103.802	10,6	18,6	6,0	6,0
940330	Đồ nội thất văn phòng	8.787	2.419.853	21.615	58,1	54,7	1,6	1,1

Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Nhật Bản nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Thị trường	8 tháng năm 2021			So với 8 tháng năm 2020 (%)		Tỷ trọng theo lượng 8 tháng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn Yên)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2021	Năm 2020
Tổng	540.319	173.831.179	1.552.757	9,7	12,7	100,0	100,0
Trung Quốc	258.272	85.427.937	763.090	15,7	14,5	47,8	45,3
Việt Nam	137.323	40.357.219	360.493	1,3	6,8	25,4	27,5
Malaysia	52.329	8.116.501	72.501	-6,4	-8,8	9,7	11,3
Thái Lan	29.864	6.271.827	56.023	4,2	2,7	5,5	5,8
Indonesia	27.863	7.592.763	67.823	30,4	18,4	5,2	4,3
Đài Loan	11.607	4.329.033	38.669	11,0	21,7	2,1	2,1
Philippine	11.553	8.816.663	78.755	55,7	42,5	2,1	1,5
EU	9.464	10.339.150	92.355	10,7	23,6	1,8	1,7
Ba Lan	2.472	766.586	6.848	6,4	5,6	0,5	0,5
Italia	1.492	3.299.063	29.469	-3,9	15,9	0,3	0,3

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	8 tháng năm 2021			So với 8 tháng năm 2020 (%)		Tỷ trọng theo lượng 8 tháng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn Yên)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2021	Năm 2020
Lítva	1.364	351.659	3.141	27,0	25,3	0,3	0,2
Đan Mạch	1.008	1.781.026	15.909	35,7	29,2	0,2	0,2
Slovakia	638	182.487	1.630	33,2	43,6	0,1	0,1
Đức	517	964.594	8.616	14,7	22,9	0,1	0,1
Látvia	508	208.738	1.865	14,0	23,0	0,1	0,1
Rumanni	318	291.657	2.605	37,3	52,6	0,1	0,0
Cộng hòa Séc	239	123.072	1.099	64,4	31,7	0,0	0,0
Slovenia	207	349.688	3.124	144,6	168,3	0,0	0,0
Phần Lan	144	349.818	3.125	6,3	-1,0	0,0	0,0
Hà Lan	135	150.675	1.346	57,3	37,3	0,0	0,0
Pháp	131	1.059.610	9.465	69,7	63,0	0,0	0,0
Tây Ban Nha	72	133.600	1.193	-50,0	3,2	0,0	0,0
...							
Anh	592	619.228	5.531	15,0	36,3	0,1	0,1
Campuchia	421	338.519	3.024	66,9	36,3	0,1	0,1
Ấn độ	228	285.073	2.546	32,2	45,8	0,0	0,0
Hàn Quốc	191	370.020	3.305	45,2	63,3	0,0	0,0
Mỹ	143	467.808	4.179	-23,3	-22,6	0,0	0,0
Bêlarút	97	23.110	206	164,2	197,5	0,0	0,0
Nga	94	27.206	243	21,9	24,3	0,0	0,0
Canada	52	60.977	545	-44,4	-27,5	0,0	0,0
Thổ Nhĩ Kỳ	44	23.437	209	129,7	102,5	0,0	0,0
Na Uy	36	122.531	1.095	2,7	18,6	0,0	0,0
Braxin	33	15.360	137	278,6	67,3	0,0	0,0
Singapore	25	61.005	545	20,3	13,3	0,0	0,0
Bos Her	20	22.962	205	61,9	108,7	0,0	0,0
Serbia	16	19.756	176	-31,4	-15,9	0,0	0,0
Australia	16	29.131	260	-33,0	-28,0	0,0	0,0
Thụy Sĩ	13	62.628	559	-8,8	7,2	0,0	0,0
Xri Lanca	8	3.588	32	-68,6	-69,9	0,0	0,0

Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Ghi chú: 1 USD = 111,95 Yên

Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ hàng đầu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 8/2021 (nghìn USD)	8 tháng năm 2021 (nghìn USD)
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VIỆT NAM	9.297	85.935
CTY TNHH SX NGUYÊN LIỆU GIẤY VIỆT NHẬT CẢI LÂN	7.377	38.363
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NĂNG LƯỢNG AN VIỆT PHÁT	2.430	36.870
CTY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SINH HỌC PHÚ TÀI	3.814	32.244
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BÌNH AN PHÚ	2.879	29.799
CTY CỔ PHẦN LÂM SẢN PISICO QUẢNG NAM	5.741	28.819

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 8/2021 (nghìn USD)	8 tháng năm 2021 (nghìn USD)
CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TÂN MỸ	0	23.200
CTY CỔ PHẦN CĂNG THÁI HƯNG	0	22.627
CTY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN	4.305	22.117
CTY TNHH EIDAI VIỆT NAM	2.317	21.489
CTY TNHH LIÊN DOANH CÁT PHÚ VŨNG TÀU	3.027	17.736
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VN - CHI NHÁNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	1.785	17.248
CTY CỔ PHẦN ĐỒNG NAI	1.714	16.685
CTY CP KỸ NGHỆ GỖ VIỆT	1.421	16.314
CTY TNHH ISSEIKI FURNITURE (VIỆT NAM)	1.679	16.244
CTY TNHH SẢN XUẤT DẪM GỖ BÌNH ĐỊNH	2.285	13.815
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU PISICO HUẾ	2.508	12.976
CTY TNHH SHAIYO AA VIỆT NAM	2.093	12.444
CTY TNHH CERUBO	425	12.427
CTY TNHH SX NGUYỄN LIỆU GIẤY VIỆT NHẬT VŨNG ANG	2.315	12.410
CTY TNHH SHIRAI VIỆT NAM	1.130	12.071
CTY TNHH THANH HÒA	0	11.668
CTY CỔ PHẦN SÁNG TẠO BÌNH DƯƠNG	0	11.345
CTY CỔ PHẦN HƯNG VƯỢNG	136	11.252
CTY TNHH LIÊN DOANH CÁT PHÚ TÂN THÀNH	0	10.976
CTY TNHH SẢN XUẤT NGUYÊN LIỆU GIẤY VIỆT - NHẬT	2.132	10.853
CTY TNHH CHẾ BIẾN DẪM GỖ ĐẠI THẮNG	0	10.786
CTY TNHH PHÁT TRIỂN	0	10.374
CTY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HIẾU ĐỨC	0	10.035
CTY CỔ PHẦN TIẾP VẬN KHÁNH HƯNG	2.499	9.859

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

Xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ tăng nhanh trong giai đoạn 2016 – 2020 và 8 tháng đầu năm 2021

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng bình quân là 17,25%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020. Trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ luôn là mặt hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng cao. Tốc độ tăng trưởng bình quân trong xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của toàn ngành gỗ là 15,49% trong giai đoạn 2016 – 2020. Điều này cho thấy, cơ cấu sản phẩm chuyển dịch theo hướng tích cực là gia tăng xuất khẩu các mặt hàng có trị giá cao thay vì xuất khẩu gỗ nguyên liệu. Kết quả đạt được trong 5 năm qua của ngành công nghiệp đồ nội thất bằng gỗ là nhờ việc đầu tư, đổi mới công nghệ của nhiều doanh nghiệp nên các sản phẩm nội thất bằng gỗ của Việt Nam đã chiếm được thị phần lớn trên thị trường thế giới, nâng cao hình ảnh, uy tín trong mắt người tiêu dùng cả trong nước và quốc tế.

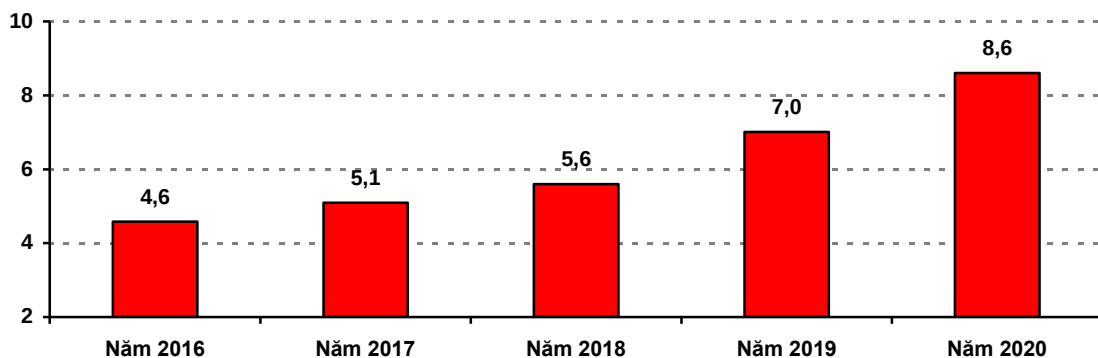
Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ của Việt Nam đã đạt và vượt kế hoạch đề ra bất chấp ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 bùng phát mạnh. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ tăng mạnh góp phần làm kim ngạch ngành gỗ tăng trưởng khả quan trong năm 2020. Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong năm 2020 đạt 8,6 tỷ USD, tăng 22,8% so với năm 2019 và tăng 87,7% so với năm 2016.

Cung cầu thế giới: Trên thị trường thế giới, theo số liệu thống kê từ Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), trong giai đoạn năm 2016 – 2020, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ trên thị trường thế giới trung bình mỗi năm đạt 68,2 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 2%/năm. Trong đó, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất trên thế giới, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc chiếm 31,6% tổng kim ngạch xuất khẩu trung bình đồ nội thất bằng gỗ của thế giới trong 5 năm qua, với tốc độ bình quân giảm 2,4%. Việt Nam là thị trường xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 2 trên thế giới với kim ngạch xuất khẩu trung bình mỗi năm đạt 6,2 tỷ USD, chiếm 9,1% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 17,25% trong 5 năm qua. Qua số liệu thống kê cho thấy các sản phẩm nội thất bằng gỗ của Việt Nam đã khẳng định được vị trí trên thị trường thế giới, với tốc độ tăng trưởng nhanh trong 5 năm qua.

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ trên thế giới trong giai đoạn 2016 – 2020 trung bình đạt 64,7 tỷ USD/năm. Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam chỉ chiếm 9,6% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ trên toàn cầu. Vẫn còn rất nhiều dư địa để các doanh nghiệp trong ngành nội thất đẩy mạnh xuất khẩu trong thời gian tới. Để đón đầu cơ hội, đặc biệt sau khi tình hình dịch Covid-19 được kiểm soát, doanh nghiệp cần tập trung đầu tư máy móc, thiết bị công nghệ hiện đại để sản xuất và chế biến các sản phẩm nội thất phù hợp với nhu cầu của các thị trường xuất khẩu và nâng cao khả năng cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường.

Tình hình xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong giai đoạn 2016 – 2020

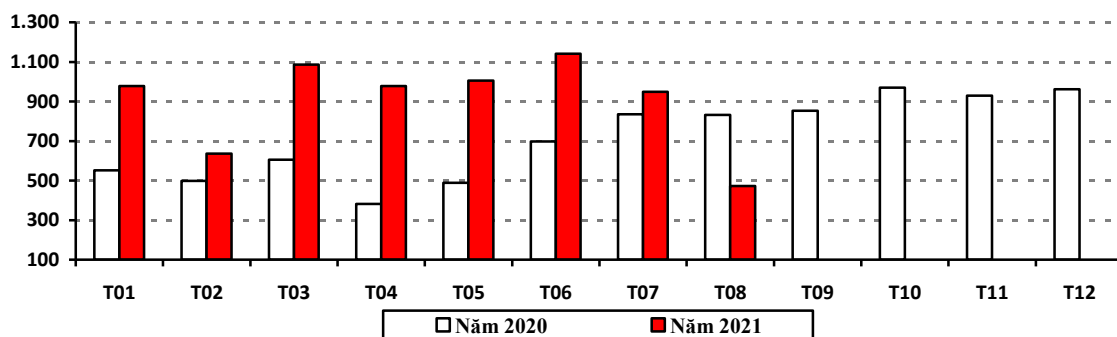
(ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tiếp đà tăng trưởng trong năm 2020, trong 8 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ vẫn tăng trưởng rất khả quan bất chấp tình hình dịch bệnh diễn biến khó lường tại thị trường trong nước, nhờ kết quả xuất khẩu trong nửa đầu năm bứt phá. Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 7,25 tỷ USD, tăng 48,2% so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ trọng xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ chiếm 69,8% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2021. Mặc dù chịu tác động bởi dịch Covid-19 khiến xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ giảm liên tiếp trong 3 tháng qua, nhưng triển vọng xuất khẩu mặt hàng này trong những tháng cuối năm 2021 có thể tăng tốc khi chính sách nới lỏng giãn cách được áp dụng tại nhiều địa phương, đặc biệt là tại phía Nam và độ bao phủ tiêm vaccine cho người lao động ngày càng rộng hơn.

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam qua các tháng năm 2020 – 2021 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Về mặt hàng xuất khẩu: Hầu hết các mặt hàng trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ đều có kim ngạch tăng mạnh. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng ghế khung gỗ đạt 2,5 tỷ USD, tăng 75,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 2,23 tỷ USD, tăng 40,9%; đồ nội thất phòng ngủ đạt 1,5 tỷ USD, tăng 29,6%...

Trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất văn phòng có nhiều cơ hội đẩy mạnh. Khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát tại thị trường trong nước và thế giới, các công ty mới được thành lập, hoạt động văn phòng tại nhiều cơ quan trở lại bình thường sẽ thúc đẩy thị trường đồ nội thất văn phòng tăng trưởng khả quan. Đồ nội thất văn phòng không phải là mặt hàng có thế mạnh trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này so với nhu cầu nhập khẩu của thế giới vẫn còn rất thấp, do đó các doanh nghiệp cần tập trung đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này trong thời gian tới.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Tháng 8/2021 (Nghìn USD)	So với tháng 8/2020 (%)	8 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2020 (%)	Tỷ trọng 8 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	811.539	-30,2	10.388.662	41,4	100,0	100,0
Đồ nội thất bằng gỗ	472.439	-43,2	7.248.411	48,2	69,8	66,5
Ghế khung gỗ	177.864	-34,3	2.530.291	75,1	24,4	19,7
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	134.481	-45,5	2.233.532	40,9	21,5	21,6
Đồ nội thất phòng ngủ	79.114	-60,9	1.522.754	29,6	14,7	16,0
Đồ nội thất nhà bếp	61.645	-16,0	631.073	41,4	6,1	6,1
Đồ nội thất văn phòng	19.335	-50,4	330.762	38,5	3,2	3,3

Nguồn: Tính toán theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan

Về thị trường xuất khẩu: Đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu chủ yếu tới thị trường Mỹ trong 8 tháng đầu năm 2021, đạt 5,6 tỷ USD, tăng 58,7% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 77,9% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ.

Tiếp theo là thị trường EU đạt 351,2 triệu USD, tăng 30,1% so với kỳ năm 2020; Nhật Bản đạt 341,2 triệu USD, tăng 1,2%; Anh đạt 172,6 triệu USD, tăng 37,3%; Hàn Quốc đạt 162,9 triệu USD, giảm 1,1%; Canada đạt 152,3 triệu USD, tăng 35,7%...

**Thị trường xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam tháng 8
và 8 tháng đầu năm 2021**

Thị trường	Tháng 8/2021 (nghìn USD)	So với tháng 8/2020 (%)	8 tháng đầu năm 2021 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng 8 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	472.439	-43,2	7.248.411	48,2	100,0	100,0
Mỹ	364.378	-42,8	5.646.807	58,7	77,9	72,8
EU	19.533	-26,5	351.217	30,1	4,8	5,5
Pháp	3.029	-57,2	70.050	18,3	1,0	1,2
Đức	3.582	-24,6	69.417	16,1	1,0	1,2
Hà Lan	2.501	-32,2	57.175	46,3	0,8	0,8
Bỉ	2.786	-0,1	33.882	55,9	0,5	0,4
Đan Mạch	1.393	-12,8	24.790	75,0	0,3	0,3
Tây Ban Nha	1.877	27,4	24.157	47,1	0,3	0,3
Italia	1.872	50,9	18.776	64,8	0,3	0,2
Ái Len	736	-61,0	13.566	7,6	0,2	0,3
Thụy Điển	517	-34,0	13.334	-3,1	0,2	0,3
Ba Lan	656	-12,8	11.972	5,0	0,2	0,2
Rumani	85	-27,7	3.118	153,7	0,0	0,0
Bồ Đào Nha	50	-32,5	2.410	60,6	0,0	0,0
Hy Lạp	60	143,7	1.349	-1,4	0,0	0,0
...						
Nhật Bản	26.345	-48,0	341.205	1,2	4,7	6,9
Anh	12.638	-35,2	172.567	37,3	2,4	2,6
Hàn Quốc	9.144	-57,2	162.898	-1,1	2,2	3,4
Canada	11.080	-39,5	152.349	35,7	2,1	2,3
Australia	7.804	-50,4	92.135	12,9	1,3	1,7
Trung Quốc	6.353	-29,5	58.567	12,5	0,8	1,1
Ả Rập Xê út	1.315	-63,2	28.047	75,1	0,4	0,3
Đài Loan	778	-68,1	21.359	2,3	0,3	0,4
New Zealand	2.113	-12,5	18.104	51,9	0,2	0,2
UAE	1.063	-20,4	16.225	52,3	0,2	0,2
Chilê	985	-23,3	13.574	19,0	0,2	0,2
Puerto Rico	637	-54,6	12.130	89,2	0,2	0,1
Mexico	875	-23,9	11.013	46,1	0,2	0,2
Malaysia	430	-15,1	7.974	88,4	0,1	0,1
Ấn Độ	813	110,5	4.853	116,1	0,1	0,0
Thụy Sĩ	264	253,6	4.596	641,9	0,1	0,0
Nam Phi	348	16,8	4.111	30,4	0,1	0,1
Singapore	365	69,4	3.776	83,2	0,1	0,0
Nga	222	7,2	3.713	-12,0	0,1	0,1
Indonesia	95	-79,3	3.661	27,1	0,1	0,1
Campuchia	246	177,8	3.629	-7,4	0,1	0,1
Ixraen	251	-49,2	3.510	13,5	0,0	0,1
Ái Cập	506	582,3	2.573	38,8	0,0	0,0
Hồng Kông	170	-16,6	2.178	-4,3	0,0	0,0
Thổ Nhĩ Kỳ	53	-78,4	2.163	8,5	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Từ ngày 21/9/2021 đến 29/9/2021)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần đạt 174 triệu USD, giảm 2,1% so với tuần trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ với kim ngạch đạt 98,2 triệu USD, giảm 0,2% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt 59,5 triệu USD, tăng 7% so với tuần trước; tiếp theo là thị trường Hồng Kông đạt 8,2 triệu USD, giảm 3,6%; Nhật Bản đạt 5,1 triệu USD, giảm 4%; Hàn Quốc đạt 2,8 triệu USD, giảm 22%...

Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Bàn gỗ sồi dùng trong phòng khách(80*72*56 cm)-DOVER BEDSIDE TABLE-TAB-03F-089.	Cái	15	454,0	Phước Long
	Tủ gỗ sồi (190*86*50 cm) dùng trong phòng khách-COUTURE DRESSER ECRU. Có nhãn "BAKER"	Cái	3	1.002,0	Phước Long
	Ghế sofa bọc nệm gỗ thông, cao su, ván ép nhãn hiệu 88/A85S/1-6128A-174 (2499*1140*1000)mm	Cái	16	258,0	Long Bình
Đan Mạch	Bàn UGILT chân sắt (H43 x W60 x D90 cm) gỗ Tràm FSC (Keo) SGS HK-COC-370069)	Cái	790	30,0	Cát Lái
	Ghế sofa gỗ thông bọc vải big sculpture piece 1536 140*244*84cm	Cái	1	736,1	Cát Lái
	Giường tắm nắng Jutland W60xD196xH33cm (màu Oiled finished LPD30, trồng Tràm, Keo)	Cái	21	33,6	Tiên Sa
	Tủ gỗ Sồi nhập khẩu loại 2100x490x1160 mm	Cái	40	303,0	Cái Mép
Đức	Ghế băng gỗ bạch đàn có đệm lót:(190x71x75)cm-	Cái	12	126,8	Qui Nhơn
	Bàn gỗ tràm bông vàng mua tại Việt Nam loại 180x90x78 cm, Nhãn hiệu Tampa-6247/76-180 có xuất xứ Việt nam	Cái	9	119,0	Cái Mép
	Tủ gỗ tràm bông vàng loại 115x45x200 cm, Nhãn hiệu Tunis-61858/50 có xuất xứ Việt Nam	Cái	8	286,6	Cái Mép
Anh	Bàn FIGARO COFFEE TABLE SMALL, PAIR, kích thước: 1315x795x735mm, gỗ poplar,	Cái	6	829,8	Cát Lái
	Ghế Hockney Stool, 1560x570x730mm, gỗ poplar	Cái	6	265,0	Cát Lái
	Giường King - gỗ Tràm, Thông (2162 - 1602 - 1235) mm - BRF 039/5-W	Cái	20	243,0	Cát Lái
	Tủ POLLOCK WARDROBE, 2270x695x1580mm, gỗ poplar	Cái	1	2.385,9	Cát Lái
Australia	Ghế băng dài (benches) gỗ tần bì sơn hoàn thiện. Kích thước: (3000x540x810)mm.	Cái	100	346,2	Cát Lái
	Tủ Linear 6 Drawer Chest - Oak : sản phẩm hoàn chỉnh (1400x450x840 mm) gỗ sồi nhập khẩu,	Cái	20	476,1	Cát Lái
	Bàn gỗ bạch đàn 2100x1050x750mm	Cái	30	261,0	Cont spitc
	GIƯỜNG HIỆU IBIZA KING BEDkích thước (2360mm*1958mm*1250mm)gỗ tràm	Cái	15	542,4	Cont spitc
Belize	Tủ quần áo 52*18*62- Gỗ thông ,dương xẻ	Cái	4	231,6	Cái Mép
	Bàn (54-7/8*54-7/8*36)"- Gỗ cao su, thông, không nhãn hiệu.	Cái	8	168,7	Cát Lái
	Ghế (54-1/8*16-7/8*19-3/8)"- Gỗ thông	Cái	35	59,1	Cát Lái
Canada	Giường (2100*1010*250) mm gỗ cao su	Cái	15	195,0	Cát Lái
	Ghế có chân bằng gỗ tần bì mã màu F165; 32x36x36inch, hiệu Foliot -7000004631	Cái	6	888,8	QT SP-SSA(SSIT)
	Tủ ngăn kéo dùng cho phòng ngủ, item CTPAT2C (làm từ gỗ cao su) size 922*456*1414mm,	Cái	9	153,2	Long Bình
	Bàn màu nâu hạt dẻ (3002x950x750) mm gỗ tràm (TT0005-1/2)	Cái	65	334,9	Transimex
Ấn Độ	Bàn Chadwick Coffee Table Cool Walnut(1219x559x408)mm gỗ tràm	Cái	30	103,0	Bình Dương
	Ghế bàn ăn lalia dyed black ash(467x523x806)mm,không	Cái	87	72,4	Bình Dương

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	nhãn hiệu/ sp gỗ Tần Bì				
Estonia	Bàn đựng thức uống TROLLEY 57x85x84 cm gỗ keo	Cái	60	28,2	Tiên Sa
	Ghế SOFA CORNER 71x71x70 cm: gỗ keo	Cái	120	45,6	Tiên Sa
Hà Lan	Bàn gỗ tràm loại 2300x1150x780 mm	Cái	3	225,0	Cát Lái
	Ghế (195X90X58CM) -Teak Look - gỗ ACACIA (gỗ keo)	Cái	26	227,0	Cát Lái
	Ghế (BERGA LOUNGE CHAIR 85X90X58CM) -Teak Look - gỗ ACACIA (gỗ keo)	Cái	52	125,0	Cát Lái
	Tủ gỗ Tràm có quy cách : 1680 x450/400x 800/1200mm, Nhãn hiệu ROBUSTO-L /21 có xuất xứ Việt Nam	Cái	4	408,4	Cát Lái
Hàn Quốc	Ghế gỗ sồi. 85X82X47 CM, Mã: MHO159-O-1005	Cái	7	321,9	Cát Lái
	Giường tầng tháo rời (1220x1680x2290mm) gỗ cao su	Cái	53	486,0	Cát Lái
	Giường không vạt 7341-55-5 (1585*2085*1139)mm (gỗ óc chó xẻ, gỗ óc chó)	Cái	60	289,0	Cont spitc
	Tủ tivi 7341-20-5 (1800*460*762)mm (gỗ beech, gỗ óc chó xẻ, gỗ óc chó)	Cái	35	475,0	Cont spitc
Hồng Kông	Bàn gỗ sồi (240/100/76)cm	Cái	3	411,3	Cát Lái
	Ghế SOFA bọc da, gỗ thông, bạch đàn, bạch dương quy cách: 155*1000*800mm,	Cái	7	1.145,6	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi (104/30/200) cm	Cái	5	364,6	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi (180/45/61)cm	Cái	2	542,2	Cát Lái
Mỹ	Ghế Sofa 2 chỗ, bọc da, vải và PVC, gỗ thông, đàn hồi tự động (65*40*40)"	Cái	9	468,1	Bà Rịa
	Bàn gỗ sồi, 198.12*114.3*76.2 cm, mã TAB-08F-073,	Cái	1	797,6	Phước Long
	Tủ để áo quần, làm từ gỗ dẻ gai, sử dụng trong phòng ngủ, 169-21 BK58-1 KT:162.6x50.8x86.4CM-JOCELYN DRESSER	Cái	20	1.019,2	Bình Dương
	Giường 9131-54-6 (INT1318/INT1319/INT1130) (2013*2103*1139)mm (gỗ óc chó xẻ, ván lạng gỗ Birch, gỗ óc chó)	Cái	33	435,0	GEMALINK
	Kệ được gỗ cao su, gỗ ash(89 x 24 x 30)" / GR-115A-L	Cái	96	399,0	Transimex
New Zealand	Bàn gỗ thông -1330x430x800mm	Cái	32	169,6	Cát Lái
	Tủ gỗ thông -1610x430x640mm	Cái	38	162,8	Cát Lái
Nhật Bản	Tủ EDEN 2 - 140 KB TW gỗ cao su, QC:(1393x480x1960)mm	Bộ	23	197,0	Cát Lái
	Bàn sử dụng trong phòng làm việc gỗ wanut ghép, gỗ cao su (1600 x 700 x 810) mm	Cái	19	281,0	Cát Lái
	Ghế Sofa 200 (1020x1000x650) mm ỗ bạch đàn	Cái	1	781,2	Cát Lái
	Kệ sách gỗ tần bì và MDF (1540x331x800)mm	Cái	10	166,0	Cát Lái
Pháp	Ghế bọc da có khung gỗ Cao su E-CAA.03V01-3 (1960x920x730)mm.	Cái	2	686,3	Cát Lái
	Giường Kỉnh - gỗ Sồi (2049 - 1721 - 684) mm - GGR186/K - 942626	Cái	150	215,0	Cát Lái
	Ghế gỗ cao su E-CAA09T-T8 (1380x780x720)mm. .	Cái	5	335,0	Cát Lái
	Tủ gỗ cao su E-COM03 (940x450x1060)mm. .	Cái	20	370,0	Cát Lái
	Bàn tròn mâm xoay, đường kính: 0.8m, kích thước: 200x200x75 (cm), gỗ tếch nhập khẩu	Cái	640	257,6	Tiên Sa
Singapore	Ghế sofa đơn,Hiệu : SIGNATURE DESIGN - kích thước (115*115*65)cm,bao gồm da bò, vải giả da, ván ép, gỗ thông	Cái	8	205,2	Phước Long
	Giường tầng gỗ sến L1150x W1965x H2800mm.	Bộ	1	1.500,0	Tân Vũ
	Kệ ti vi gỗ thông gỗ óc chó L3988x W635x H2286mm.	Bộ	4	1.392,0	Tân Vũ
	Tủ ti vi bằng gỗ thông L4680x W255x H3100mm.	Bộ	1	4.148,0	Tân Vũ
Trung Quốc	Tủ bếp 2 cửa 2 hộc kéo gỗ tràm Kích thước (101*45.5*76) cm	Cái	80	127,3	Cát Lái
	GHẾ GỖ KEO (DIVANI CLUB CHAIR 77x82.5x70CM)	Cái	160	82,2	Tiên Sa
Xâysen	Bàn trang điểm, màu đen, size:1491x440x872mm, Item: F1958-DR,gỗ cao su.	Cái	21	112,3	Cát Lái
	Tủ (gỗ), Item: 650-V72-BNM, không nhãn hiệu, từ gỗ dương, bạch dương, kích thước: 1827*597*962mm,	Cái	8	397,7	Phước Long
	Ghế dài B211-095 (51*21.25*9.25) Inch, gỗ cao su	Cái	10	55,6	Bình Dương

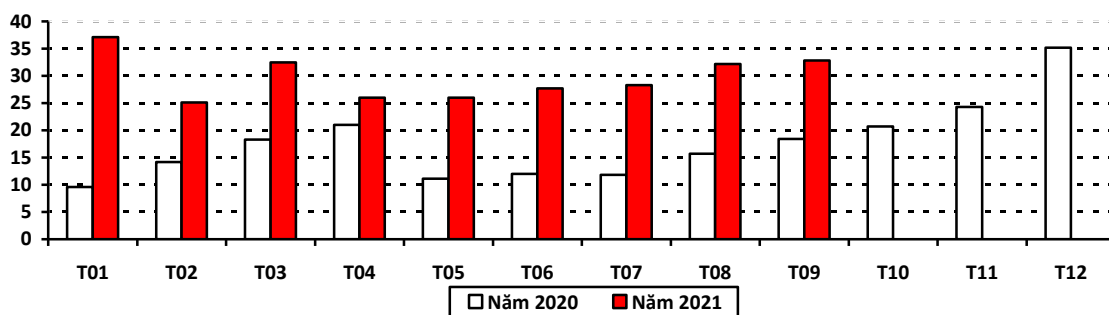
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu gỗ thông tăng mạnh 88,6% về lượng

Theo số liệu thống kê, nhập khẩu gỗ thông của Việt Nam tháng 9/2021 ước đạt 123,9 nghìn m³, trị giá 32,8 triệu USD, tăng 4,4% về lượng và tăng 1,9% về trị giá so với tháng 8/2021; so với tháng 9/2020 tăng 49,4% về lượng và tăng 78,4% về trị giá. Tính chung, 9 tháng đầu năm 2021 nhập khẩu gỗ thông ước đạt 1,132 triệu m³, trị giá 267,3 triệu USD, tăng 83,0% về lượng và tăng 103,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Trị giá nhập khẩu gỗ thông nguyên liệu của Việt Nam năm 2020 - 2021

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Theo số liệu thống kê, nhập khẩu gỗ thông của Việt Nam tháng 8/2021 đạt 118,7 nghìn m³, trị giá 32,2 triệu USD, giảm 0,5% về lượng và tăng 13,7% về trị giá so với tháng 7/2021; so với tháng 8/2020 tăng 68,4% về lượng và tăng 115,4% về trị giá. Tính chung, 8 tháng đầu năm 2021 nhập khẩu gỗ thông đạt 1,01 triệu m³, trị giá 235 triệu USD, tăng 88,6% về lượng và tăng 108,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

+ Về giá nhập khẩu:

Giá nhập khẩu bình quân chủng loại gỗ thông nguyên liệu 8 tháng đầu năm 2021 đạt 232,6 USD/m³, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, giá nhập khẩu từ Braxin tăng 21,3%, lên 247,9 USD/m³; từ Chilê tăng 22,6% so với cùng kỳ năm 2020 lên 273,1 USD/m³; từ New Zealand tăng 22,9% lên 295,4 USD/m³; từ EU tăng 22,6% lên 263,3 USD/m³.

+ Về chủng loại nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, 8 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ thông loại xẻ đạt khối lượng 794 nghìn m³, trị giá 209,8 triệu USD, tăng 65,6% về lượng và tăng 97,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Nhập khẩu gỗ thông tròn đạt 212,4 nghìn m³, trị giá 23,5 triệu USD, tăng 277,7% về lượng và tăng 251,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Tham khảo nhóm gỗ thông nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2021

Thị trường	8 tháng đầu năm 2021			So với cùng kỳ năm 2020 (%)		
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ xẻ	794.045	209.791	264,2	65,6	97,5	19,3
Gỗ tròn	212.367	23.530	110,8	277,7	251,8	-6,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Về thị trường nhập khẩu:

8 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu gỗ thông tăng mạnh từ hầu hết các thị trường so với cùng kỳ năm 2020, ngoại trừ nhập khẩu từ một số thị trường giảm như: Côlômbia, Ukraina Belize... Cụ thể:

Nhập khẩu gỗ thông từ thị trường Braxin lớn nhất chiếm 25,3% tổng lượng nhập khẩu, đạt 256,1 nghìn m³, trị giá 63,5 triệu USD, tăng 182,0% về lượng và tăng 242,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường Chilê đạt 224,3 nghìn m³, trị giá 61,2 triệu USD, tăng 36,8% về lượng và tăng 67,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 22,2% tổng lượng nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ thông từ thị trường Australia tăng đột biến với mức tăng 4.355,5% về lượng và tăng 2.276,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt 137,1 nghìn m³, trị giá 14,5 triệu USD.

Ngoài ra, nhập khẩu mặt hàng này từ New Zealand tăng 11,9% về lượng so với cùng kỳ năm 2020, đạt 107,7 nghìn m³; thị trường EU tăng 63,8%, đạt 78,5 nghìn m³.

Trái lại, lượng nhập khẩu gỗ thông từ thị trường giảm như: từ Côlômbia giảm 75,3%; Ukraina giảm 36,9%; Belize giảm 74,0%; Nam Phi giảm 41,8%; Anh giảm 20,3%... về lượng so với cùng kỳ năm 2020.

Thị trường cung cấp gỗ thông cho Việt Nam 8 tháng đầu năm 2021

Thị trường	8 tháng đầu năm 2021			So với cùng kỳ năm 2020 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	8T/2021	8T/2020
Tổng	1.010.379	235.047	232,6	88,6	108,2	10,4	100,0	100,0
Braxin	256.130	63.493	247,9	182,0	242,0	21,3	25,3	17,0
Chilê	224.284	61.246	273,1	36,8	67,7	22,6	22,2	30,6
Australia	137.115	14.478	105,6	4.355,5	2.276,7	-46,7	13,6	0,6
New Zealand	107.681	31.809	295,4	11,9	37,5	22,9	10,7	18,0
EU	78.509	20.674	263,3	63,8	100,9	22,6	7,8	8,9
Phần Lan	25.298	6.791	268,5	48,0	82,6	23,4	2,5	3,2
Tây Ban Nha	19.242	5.300	275,4	1.509,4	1.907,8	24,8	1,9	0,2
Thụy Điển	7.146	1.798	251,6	18,8	38,5	16,5	0,7	1,1
Hà Lan	5.929	1.387	233,8	-0,6	6,0	6,7	0,6	1,1
Bỉ	4.935	1.232	249,7	-0,2	17,3	17,5	0,5	0,9
Ba Lan	4.689	1.268	270,4	-5,0	17,5	23,6	0,5	0,9
Đức	3.604	827	229,4	-11,5	18,0	33,3	0,4	0,8
Slovenia	3.267	706	216,2	219,6	250,4	9,6	0,3	0,2
Estonia	2.968	1.066	359,3	157,5	221,4	24,8	0,3	0,2
Âi Len	729	135	184,6	321,0	344,1	5,5	0,1	0,0
Látvia	409	99	241,3	88,9	115,9	14,3	0,0	0,0
áo	197	44	225,0	2.662,5	1.078,8	-57,3	0,0	0,0
Lítva	87	19	220,0	-90,4	-90,2	2,1	0,0	0,2
Rumani	10	2	200,0	257,0	257,0	0,0	0,0	0,0
Mỹ	55.234	7.303	132,2	3,1	26,8	23,0	5,5	10,0
Uruguay	52.530	12.908	245,7	183,0	230,9	16,9	5,2	3,5
Achentina	32.860	8.932	271,8	54,7	99,5	29,0	3,3	4,0
Trung Quốc	27.650	5.296	191,5	683,2	281,5	-51,3	2,7	0,7

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	8 tháng đầu năm 2021			So với cùng kỳ năm 2020 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	8T/2021	8T/2020
Canada	6.555	1.382	210,8	34,9	5,5	-21,8	0,6	0,9
Nga	6.013	1.466	243,9	111,3	142,6	14,8	0,6	0,5
Côtxta Rica	4.059	1.120	275,9	-15,6	7,7	27,6	0,4	0,9
Nhật Bản	3.753	886	236,0	31,1	29,1	-1,5	0,4	0,5
Hàn Quốc	3.389	250	73,8				0,3	0,0
Côlômbia	3.181	825	259,3	-75,3	-70,8	18,5	0,3	2,4
Ukraina	2.214	633	285,7	-36,9	-14,2	35,9	0,2	0,7
Vêneduêla	1.420	384	270,1	245,4	536,0	84,1	0,1	0,1
Hồng Kông	1.393	231	165,8				0,1	0,0
Đài Loan	1.132	354	312,8	15,1	49,9	30,2	0,1	0,2
Singapore	882	231	261,8				0,1	0,0
PN Guinea	651	168	258,5				0,1	0,0
Belize	528	125	237,3	-74,0	-71,1	11,3	0,1	0,4
Serbia	465	133	286,3				0,0	0,0
Malaysia	434	106	243,3	283,9	201,6	-21,4	0,0	0,0
Andora	418	108	259,5				0,0	0,0
Xâysen	377	120	318,0				0,0	0,0
Xamoa	356	97	273,3				0,0	0,0
Nam Phi	300	52	172,3	-41,8	-26,5	26,3	0,0	0,1
Anh	269	62	232,3	-20,3	-22,9	-3,3	0,0	0,1
Lào	182	48	263,1	573,2	608,4	5,2	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Từ ngày 21/9/2021 đến 28/9/2021

Trong tuần từ ngày 21/9/2021 đến 28/9/2021, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 45,3 triệu USD, giảm 18,0% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường giảm so với tuần trước như: từ Trung Quốc giảm 14,5%; Hồng Kông giảm 11,9%; Đức giảm 41,9%; Pháp giảm 38,7%; Anguilla giảm 28,8%; New Zealand 31,6%; Nga giảm 38,5%...

Trái lại, nhập khẩu mặt hàng này từ các thị trường tăng so với tuần trước như: từ Mỹ tăng 0,8%; Braxin tăng 36,3%; Chilê tăng 53,1%; Lào tăng 13,8%; Thụy Sĩ tăng 78,9%; Belize tăng 5,5%; Phần Lan tăng 72,0%...

Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 21/9/2021 đến 28/9/2021 (ĐVT; nghìn USD)

Thị trường	Tuần từ ngày 21/9/2021 đến 28/9/2021	So với tuần trước (%)
Tổng	45.287	-18,0
Mỹ	9.300	0,8
Trung Quốc	6.977	-14,5
Hồng Kông	3.996	-11,9
Braxin	3.430	36,3
Chilê	3.357	53,1

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tuần từ ngày 21/9/2021 đến 28/9/2021	So với tuần trước (%)
Lào	1.590	13,8
Thụy Sĩ	1.197	78,9
Đức	1.019	-41,9
Pháp	973	-38,7
Anguilla	927	-28,8
New Zealand	902	-31,6
Nga	853	-38,5
Belize	790	5,5
Đài Loan	755	-11,6
Đan Mạch	664	-16,1
UAE	650	-63,2
Singapore	590	-65,1
Nhật Bản	554	-51,5
Phần Lan	512	72,0
Tây Ban Nha	455	15,0
Italia	449	-45,4
Bỉ	432	-13,1
Malaysia	353	6,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 21/9/2021 đến 28/9/2021

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD/m³)	Thị trường	Cảng-Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ óc chó dài: 8 - 16 feet, đk: 12-21 inch	21	709,8	Mỹ	Cảng Xanh	CIF
Gỗ óc chó xẻ (dày: 31.75mm, rộng: 7.5cm-40cm, dài:1.22-3.66m)	22	1100,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ anh đào Tròn ĐK: 30 cm UP , dài: 3.2 - 6.5 M.	3	256,2	Pháp	Cont Spitc	CIF
Gỗ bạch đàn tròn đk 30-39cm, dài 2.4-5.9m	40	190,0	áo	Bình Định	CIF
Gỗ bạch đàn xẻ 20x76~170x1800~2700mm	83	575,7	Nam Phi	Phước Long	CIF
Gỗ bạch dương xẻ 25*180*3000 MM	10	365,5	Litva	Cát Lái	CFR
Gỗ bạch dương xẻ sấy 22mm x 100mmx D 2m	59	368,0	áo	Cát Lái	CIF
Gỗ bồ đề tròn (đk: phi 305-762; dài: 2438.4-5487)mm	76	250,0	Mỹ	Vũng Tàu	CIF
Gỗ cao su xẻ, 20*30~38*155~355mm	11	484,8	Indonesia	Cát Lái	CIF
Gỗ dương tròn (đk: phi 305-762; dài: 2438.4-5487)mm	257	250,0	Mỹ	Vũng Tàu	CIF
Gỗ dương xẻ (25.4mm x 76.2~431.8mm x 2743.2~4267.2mm)	39	449,0	Belize	Cont Spitc	CIF
Gỗ dương xẻ 25MM-55MM X 90MM-350MM X 2000MM-2600MM	216	392,8	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ (26mm*226-301mm*2,5-3m)	66	304,1	Pháp	Cont Spitc	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ 26MM-38MM X 2100MM - 3400MM X 100MM	91	386,0	Rumani	Cát Lái	CFR
Gỗ dẻ gai xẻ dày 50mm, rộng:140-440mm, dài 2.1m	28	391,4	Đan Mạch	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sấy chưa rong bìa dày 32mm x 100mmx 2m	28	320,2	áo	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sấy dày 50mm, dài 2,4-3,70m, rộng 12-49 cm	58	538,1	Slovenia	Cont Spitc	CFR
Gỗ dẻ gai xẻ sấy dày: 26mm. dài 2.00 m - 3,00m	29	502,4	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ gỗ dày trên 25 cm, rộng trên 25 cm, dài trên 2.0 m	24	185,0	Nigeria	Cont Spitc	FOB
Gỗ gỗ rộng 26cm, dày 25cm, dài 235cm	20	225,0	Trung Quốc	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ xẻ dày 20cm - 57cm, rộng 23cm - 59 cm, dài 2,2m - 2,6m	40	200,0	Gana	Cont Spitc	FOB

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Gỗ gỗ xẻ dày hơn 30 cm, rộng hơn 42 cm, dài hơn 220 cm	20	250,0	Uganda	Đình Vũ	CFR
Gỗ gỗ xẻ, dài 260cm, rộng 22cm, dày 15cm	20	345,7	Dambia	Nam Hải	C&F
Gỗ gỗ xẻ, dài: 230-340cm, rộng: 30-74cm, dày: 28-72cm	22	502,4	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ giáng hương, đk D: 15 - 45 cm, dài: 200 - 500 cm	27	227,5	Cônggô	Cảng Xanh	CIF
Gỗ hương đá, xẻ dài 2-3,2 m, dày 0,1 - 0,17m, rộng 0,2 -0,65 m	20	250,0	Dambia	Đình Vũ	C&F
Gỗ hương dài: 450cm, đk:45cm	174	269,1	Tuynidi	Hải Phòng	CFR
Gỗ hương xẻ dài:150cm, rộng: 20cm, dày: 20cm	250	120,0	Ângôla	Đình Vũ	CIF
Gỗ hương xẻ dày 5cm - 20cm, rộng 10cm - 40cm, dài 75cm - 210cm	23	400,0	Lào	Hải Phòng	CIF
Gỗ hương xẻ dày : 60 - 89 cm, rộng :từ 60 - 94 cm, dài :từ 230 - 290 cm	12	200,0	Hồng Kông	Cảng Xanh	FOB
Gỗ hương xẻ, dài: 2.2-5.7M, rộng: 40-62cm, dày: 40-63cm	40	567,4	Thụy Sĩ	Nam Hải	CIF
Gỗ hương, dài: 6.9-8.4M, đk: 59-88cm	11	385,5	Pháp	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dài: 3.6-14.1M, đk: 60-69cm	176	268,8	UAE	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dài: 6.1-13.7M, đk: 70-79cm	149	350,5	Italia	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dài: 7.0M, đk: 60cm	127	137,5	Cônggô	Nam Hải	FOB
Gỗ lim dày 35cm, rộng 30cm,dài 250cm	20	250,0	Nigieria	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xanh đẽo vuông thô, dày 30 cm, rộng 35 cm, dài 4.8 m	18	238,0	Campuchia	Cảng Xanh	CIF
Gỗ lim xẻ dài 200-310cm, rộng 10-35cm, dày 4-25cm	289	200,0	Hồng Kông	Hải Phòng	FOB
Gỗ sồi đỏ đk 12 inch, dài 8 feet	79	327,8	Mỹ	Cát Lái	CFR
Gỗ sồi đỏ xẻ dày: 45mm, rộng: 229- 259mm, dài: 2743-3048mm	2	1263,5	Hàn Quốc	Hải Phòng	CIF
Gỗ sồi đỏ xẻ dày 22 mm, rộng 100mm, dài 2000mm	93	583,4	Nhật Bản	Hải Phòng	CIF
Gỗ sồi trắng đk: 20.32-71.12cm, dài:1.83-5.79m	162	260,0	Hồng Kông	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ (27 x210 x1250~2500)mm	59	777,9	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ (dày:25.4mm, rộng 7.62cm-35.56cm, dài 2.135m -4.27m	28	500,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ 20-52mm x 120-400mm x 1500-5000mm	25	543,3	Bỉ	Cont Spite	CIF
Gỗ sồi xẻ (26x 1400-4300) mm	22	449,7	Italia	Cont Spite	CIF
Gỗ sồi xẻ dày 26mm, rộng 3-49cm, dài 2,1-4,1m	27	636,8	Slovenia	Cảng Xanh	CFR
Gỗ sồi xẻ sấy (22-26) mm x 100+ mm x 2000+ mm	27	573,3	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sấy dày: 22 mm dài 2.00 m - 3,00 m	32	608,2	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ, dày: 22x100/600x 1000/1900 (mm)	6	455,3	Croatia	Cont Spite	CIF
Gỗ sến dài: 3.4-9.6M , đk: 64-162cm	112	523,9	Bồ Đào Nha	Đình Vũ	CFR
Gỗ tần bì dài: 3 m, đk: 40cm	185	134,4	Pháp	Hải Phòng	EXW
Gỗ tần bì khúc đk: 30-39cm, dài: 3m	14	186,9	Bỉ	Cảng Xanh	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: 36-67cm,dài 3.0-10.5m	50	187,1	Hồng Kông	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn dài 3m, đk 30cm-39cm	53	181,3	Đan Mạch	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn, đk: 23-29 cm, dài 3.1-11.6m .	22	138,0	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 25MM X 100MM UP X 2.54M	44	355,0	Tây Ban Nha	Cont Spite	CIF
Gỗ thông xẻ 25mm x 75-300mm x 1220-3000mm	204	365,0	Belize	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 50 x 100-130mm, dài 3,96m	46	300,0	Chile	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ -dày: 38 mm, rộng: 150 mm, dài: 3.0-3.9 m	214	365,0	Ba Lan	Cont Spite	CIF
Gỗ thông xẻ rộng 100-200mm; dày 25-28mm, dài 2,5m-5,2m	158	340,0	Nhật Bản	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy - 31mm x100mm up x 2m	180	205,0	New Zealand	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy 22mm x 100mm x (2440mm - 3660mm)	47	350,0	Achentina	Cont Spite	CIF
Gỗ thông xẻ sấy dày 11mm x100mm x1.8m	10	200,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy, 38mm x (75-200) mm x 2440 mm	47	310,0	Anh	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ(22-75 X 125- 150 X 3000- 6000)mm	277	365,0	Philan Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ, (16 x 98x1100)mm	57	290,0	Malaysia	Cát Lái	CIF

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Gỗ thông xẻ, 50 x (100-150) x (2130-3660) (mm)	47	405,0	Đài Loan	Cát Lái	CIF
Gỗ thích xẻ dày: 26 mm, rộng: 10cm-40cm, dài: 2.15m-3m	29	619,2	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk 30cm, dài 5.7m	301	156,0	Uruguay	Bình Định	CIF
Gỗ tròn hồ đào dài 2438.4-3657.6mm, đk 254-558.8mm	58	252,0	Mỹ	Cont Spite	CIF
Gỗ vân sam xẻ sậy dày 18mm, dài 2990-3990 mm	149	290,0	áo	Cont Spite	CFR
Gỗ vân sam xẻ sậy, dày 12mm, rộng 120mm, dài 3000-4200mm	41	549,2	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ xẻ bạch đàn (dày 25mm, rộng 76mm, dài 2.1M)	97	285,0	Braxin	Bình Định	CIF
Gỗ xẻ bạch dương xẻ sậy, dày 25mm, dài 2000mm, rộng 106mm	39	304,1	Nga	Bình Định	FCA
Gỗ xoan đào đk (101-114)cm, dài (7,2-9,4)m	24	426,9	Thụy Sĩ	Nam Hải	CFR
Gỗ xoan đào dài 200-280cm, rộng 40-107cm, dày 39-88cm	18	488,3	UAE	Định Vũ	CIF
Gỗ xoan đào dài: 5.9-11.4M, đk: 140-155cm	101	385,6	Đức	Hải Phòng	FOB
Ván gỗ MDF - dày 18mm, 1220X2440X18 MM	376	275,0	Thái Lan	Cát Lái	FOB
Ván lạng gỗ sồi, tấm (4.0 x 190 x600- 1900)MM	30	2676,5	Ukraina	Cát Lái	CFR
Ván MDF (14mm x 1220mm x 2440mm)	512	185,0	Trung Quốc	Cát Lái	CFR
Ván Plywood (15 x 2440 x 1220)MM	104	565,0	Băng Đảo	Cát Lái	CIF
Ván sợi (1220x2440x12)mm+-5%	39	112,0	Trung Quốc	Lạng Sơn	DAF

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Sau 15 tháng tăng liên tiếp, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm trong tháng 9/2021 giảm so với cùng kỳ năm trước

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói, thảm của Việt Nam trong tháng 8/2021 đạt 60,19 triệu USD, giảm 22,1% so với tháng 7/2021; nhưng tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm đạt 581,58 triệu USD, tăng 59,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Tháng 9/2021, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên cả nước đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Ước tính, sau 15 tháng tăng liên tiếp, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm trong tháng 9/2021 giảm so với cùng kỳ năm trước, đạt 50 triệu USD, giảm 9,0% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm đạt 631,58 triệu USD, tăng 50,3% so với cùng kỳ năm 2020.

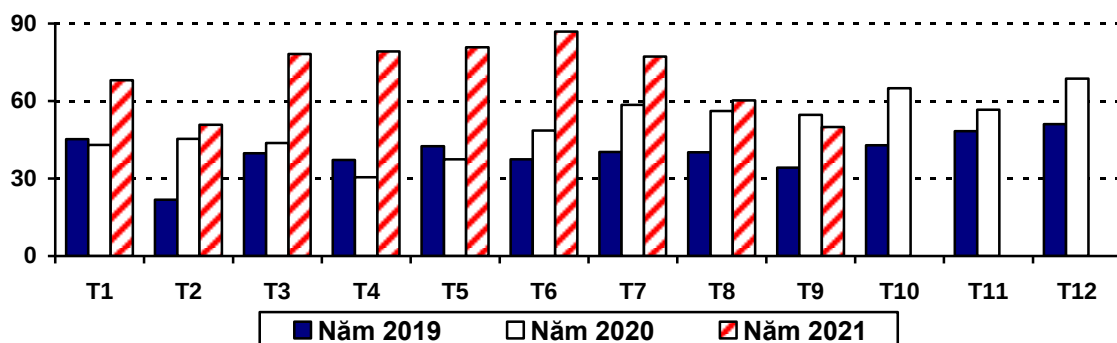
Nhu cầu mua sắm các mặt hàng quà tặng, kỉ niệm nhân các dịp Lễ Tết, Giáng sinh, năm mới...thường tăng cao. Những dịp Lễ, Tết nhu cầu tiêu dùng, mua sắm các sản phẩm thủ công mỹ nghệ cũng có những khác biệt. Ví dụ, ở các nước Bắc Âu, vào mùa xuân, người tiêu dùng có nhu cầu mua sắm sản phẩm thủ công mỹ nghệ ngoài trời để phục vụ việc trang trí sân vườn.

Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ vẫn gặp nhiều khó khăn khi dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp khiến nhiều tỉnh, thành phố buộc phải kéo dài thời gian giãn cách xã hội khiến cho hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp gặp không ít khó khăn, giao thông vận tải, hậu cần và logistics bị gián đoạn.

Để thúc đẩy xuất khẩu trong thời gian tới, các doanh nghiệp cần củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, tận dụng tối đa lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do đã có hiệu lực; đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; đa dạng hoá cơ cấu sản phẩm xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm xuất khẩu, phát triển thương hiệu. Trước mắt, tận dụng sự phục hồi của thị trường Mỹ và Châu Âu để đẩy mạnh xuất khẩu, đặc biệt là phục vụ dịp mua sắm gia tăng cuối năm.

Cơ hội phát triển thị trường mới cho nhóm hàng mây tre đan Việt Nam thời gian tới là rất khả quan, và ngành chế biến mây tre Việt Nam có thể vươn tới kim ngạch xuất khẩu 1 tỷ USD trong tương lai không xa.

Kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói và thảm qua các tháng năm 2019 - 2021
(triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan, tháng 9/2021-số liệu ước tính

Mặt hàng xuất khẩu chính

- Xuất khẩu thảm trong tháng 8/2021 đạt 29,30 triệu USD, giảm 31,2% so với tháng 7/2021; nhưng tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu thảm đạt 303,66 triệu USD, tăng 69,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Tháng 8/2021, xuất khẩu thảm sang thị trường Mỹ và EU giảm mạnh so với tháng 7/2021, lần lượt giảm 44,2% và 41,0%. Ngược lại, xuất khẩu thảm sang thị trường Nhật Bản và Ấn Độ tăng mạnh: xuất khẩu thảm sang Nhật Bản đạt 7,16 triệu USD, tăng 93,3%; sang Ấn Độ đạt 1,75 triệu USD, tăng 60,9%.

Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu thảm sang hầu hết các thị trường chủ chốt tăng mạnh. Mỹ vẫn là thị trường nhập khẩu nhiều nhất mặt hàng thảm của Việt Nam, đạt 142,29 triệu USD, tăng 77,6% so với cùng kỳ năm 2020.

- Tháng 8/2021, xuất khẩu lục bình đan đạt 9,23 triệu USD, giảm 2,9% so với tháng 7/2021; nhưng tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu lục bình đan đạt 69,85 triệu USD, tăng 57,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Xuất khẩu lục bình đan trong tháng 8/2021 giảm chủ yếu là do xuất khẩu sang thị trường EU giảm, đạt 1,34 triệu USD, giảm 28,9% so với tháng 7/2021; giảm 21,6% so với cùng kỳ năm 2020. Ngược lại, xuất khẩu lục bình đan sang thị trường Mỹ đạt 5,96 triệu USD, tăng 8,5% so với tháng 7/2021; tăng 48,9% so với cùng kỳ năm 2020.

- Xuất khẩu cói đan trong tháng 8/2021 đạt 6,40 triệu USD, giảm 18,0% so với tháng 7/2021; tăng 7,0% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu cói đan đạt 57,93 triệu USD, tăng 46,7% so với cùng kỳ năm 2020.

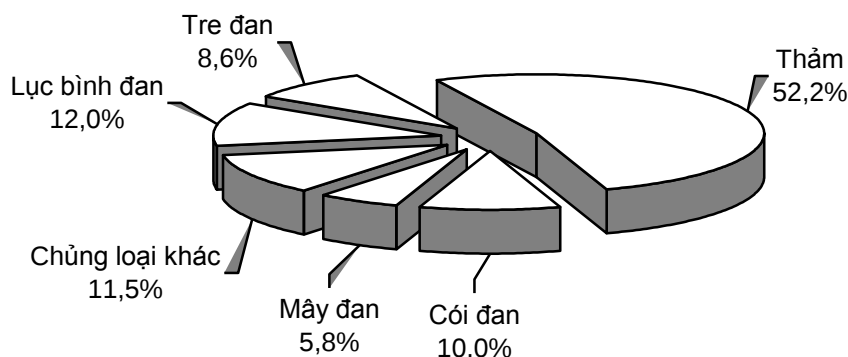
- Xuất khẩu tre đan trong tháng 8/2021 đạt 5,84 triệu USD, giảm 4,4% so với tháng 7/2021; tăng 34,5% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu tre đan đạt 49,84 triệu USD, tăng 44,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

- Xuất khẩu mây đan trong tháng 8/2021 đạt 3,89 triệu USD, giảm 8,0% so với tháng 7/2021; giảm 5,6% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu mây đan đạt 33,63 triệu USD, tăng 41,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Cơ cấu mặt hàng mây, tre, cói và thảm xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2021

(% tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

Thị trường EU: Tháng 8/2021, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang EU đạt 11,96 triệu USD, giảm 31,7% so với tháng 7/2021; giảm 10,5% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang EU đạt 140,88 triệu USD, tăng 50,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang hầu hết các thị trường trong EU trong tháng 8/2021 đều giảm so với cùng kỳ năm 2020: Đức giảm 44,5%, Bỉ giảm 61,6%, Hà Lan giảm 11,6%... Ngược lại, xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường Pháp trong tháng 8/2021 tăng mạnh, đạt 2,59 triệu USD, tăng 123,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang hầu hết các thị trường trong EU đều tăng so với cùng kỳ năm 2020. Trong số các thị trường đạt kim ngạch trên 10 triệu USD, thì Bỉ là thị trường tăng mạnh nhất, tăng 101,5% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 22,07 triệu USD.

Thảm vẫn là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất sang EU trong tháng 8/2021, đạt 3,72 triệu USD, giảm 41,0% so với tháng 7/2021; giảm 7,6% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu thảm sang EU đạt 51,55 triệu USD, tăng 115,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Thị trường Mỹ: Theo thống kê, kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang Mỹ trong tháng 8/2021 đạt 26,84 triệu USD, giảm 27,7% so với tháng 7/2021; nhưng tăng 20,9% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang Mỹ đạt 140,88 triệu USD, tăng 50,7% so với cùng kỳ năm 2020.

Xuất khẩu thảm sang Mỹ chiếm 49% tổng kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang thị trường này trong tháng 8/2021, đạt 13,18 triệu USD, giảm 44,2% so với tháng 7/2021; tăng 0,5% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu thảm sang Mỹ đạt 142,29 triệu USD, tăng 77,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Thị trường xuất khẩu mây, tre, cói, thảm tháng 8/2021 và 8 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 8/2021 (nghìn USD)	So với tháng 7/2021 (%)	So với tháng 8/2020 (%)	8 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2020 (%)
Tổng	60.186	-22,1	6,5	581.579	59,2
EU	11.964	-31,7	-10,5	140.879	50,7
Đức	1.649	-40,0	-44,5	23.104	5,1
Bỉ	969	-60,7	-61,6	22.073	101,5
Tây Ban Nha	1.695	-52,3	-2,5	20.141	69,7
Pháp	2.587	22,3	123,6	19.143	49,6
Hà Lan	1.422	-16,2	-11,6	18.411	61,1
Thụy Điển	882	5,2	35,8	8.337	33,3
Italia	896	-3,3	-20,7	8.063	43,5
Đan Mạch	657	-32,3	19,5	6.124	63,0
Ba Lan	531	-21,1	-11,6	6.008	48,2
Hy Lạp	74	-88,9	-42,1	2.472	87,1
Ái Len	183	-59,1	320,5	2.068	119,6
Bồ Đào Nha	165	29,4	95,7	1.604	226,6
Mỹ	26.839	-27,7	20,9	252.073	87,5
Nhật Bản	8.660	73,4	43,1	44.300	20,0
Anh	1.226	-61,1	-37,1	30.966	71,7
Australia	2.097	-4,2	-31,4	17.305	21,3
Ấn Độ	1.799	57,6	51,6	16.594	124,1
Canada	1.279	-35,9	124,5	14.924	125,9
Hàn Quốc	800	-65,2	-57,0	14.560	6,5
Trung Quốc	582	-5,1	-57,6	5.960	-17,1
Ả Rập Xê út	848	15,9	-17,0	4.903	-14,0
Nga	428	-29,1	-6,9	3.359	26,4
Ixraen	317	-45,1	-14,9	3.024	11,0
UAE	212	-36,0	-32,7	2.966	3,0
Mêhicô	246	-59,1	45,5	2.402	65,9
Đài Loan	370	25,6	-3,7	2.480	-18,4
Malaysia	234	-28,0	216,7	2.166	265,1
Chilê	211	-60,6	310,4	2.153	39,9
Thái Lan	181	-13,7	-25,0	1.964	21,2
Braxin	239	13,9	256,2	1.799	206,4
Nam Phi	198	0,6	101,8	1.422	125,0
New Zealand	232	27,6	95,1	1.333	105,9
Thổ Nhĩ Kỳ	263	57,6	237,3	1.268	17,4
Ângiêri	0	-	-	1.112	663,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu hàng gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ

(Từ ngày 14/9/2021 đến 27/9/2021)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ từ ngày 14/9/2021 đến 27/9/2021 đạt 3,84 triệu USD, tăng 24,2% so với kỳ trước (từ

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

01/9/2021 – 14/9/2021). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu chậu gốm sứ đạt 2,45 triệu USD, tăng 14,8%; gốm sứ trang trí đạt 696,6 nghìn USD, tăng 50,1%; gốm sứ gia dụng đạt 392,7 nghìn USD, tăng 30,3%..

Trong kỳ vừa qua, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang thị trường Mỹ đạt 1,32 triệu USD, tăng 59,6% so với kỳ trước; sang Australia đạt 451,1 nghìn USD, giảm 11,7%; sang Anh đạt 437,9 nghìn USD, tăng 137,6%...

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Chậu gốm (1 bộ = 5 cái), size: 76X66;58X50;47X41;38X34;29X27cm, xuất khẩu sang Mỹ có giá 155,2 USD/bộ (FOB cảng Cát Lái); Chậu gốm (1 bộ = 2 cái), size: 58X97;46X81cm, xuất khẩu sang Mỹ có giá 145,7 USD/bộ (FOB cảng Phước Long); Chậu đất nung bộ 6, kích thước (72X60) cm, xuất khẩu sang Tây Ban Nha có giá 103,6 USD/bộ (FOB cảng Cát Lái); Chậu gốm trang trí bộ 3 (93x80) cm;(70x67) cm;(47x55) cm, xuất khẩu sang thị trường Australia có giá 91,0 USD/bộ (FOB cảng Cát Lái)...

Một số lô hàng gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD/đvt)	Cảng, cửa khẩu
Đức	Chậu bộ 5 Gốm đất nung, QC:(D58/46/35/28/20H48) cm	Bộ	16	33,9	Cát Lái
	Chậu bộ 3 Gốm đất nung, QC:(D47/37/28H38) cm	Bộ	580	11,1	Cát Lái
	Chậu bộ 2 Gốm đất nung, QC:(L61/50H25/19) cm	Bộ	189	5,5	Cát Lái
Anh	Chậu gốm trang trí bộ 3 (53x43)cm,(43x35)cm,(34x28)cm	Bộ	140	61,9	Cát Lái
	Chậu gốm đất phèn, bộ 5, KT: 60X57; 47X46; 37X36; 29X28; 22X22 cm	Bộ	36	39,6	Cát Lái
	Thác nước bằng gốm bộ 2 (40x46)cm,(59x19)cm	Bộ	270	39,3	Cát Lái
	Bình gốm (42x90)cm	Cái	102	22,2	Cát Lái
	Chậu gốm đất phèn, bộ 4, KT: 52X55; 40X44; 32X35; 23X25 cm	Bộ	384	21,5	Cát Lái
	Đĩa bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 21x30x2.3 cm	Cái	102	5,4	Hải Phòng
	Bình sữa bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 16x10x20 cm	Cái	120	4,8	Hải Phòng
Australia	Chậu gốm trang trí bộ 3 (93x80)cm;(70x67)cm;(47x55)cm	Bộ	41	91,0	Cát Lái
	Thác nước bằng gốm bộ 2 (63x77)cm;(85x25)cm	Bộ	28	84,5	Cát Lái
	Bình gốm trang trí (85x20)cm	Cái	47	43,6	Cát Lái
	Chậu Gốm S/2 (1bộ=2cái), (D63/46,H62/47 cm)	Bộ	24	23,0	Cát Lái
	Chậu gốm bộ 4, KT: (L50/40/31/25xH43/33/27/22cm)	Bộ	120	14,3	Cát Lái
Canada	Lọ quả bí đại S1 Kích thước 35x35x91cm	Cái	100	60,0	Lạch Huyện
	Lọ hoa bằng sứ, KT: 19.5x19.5x28 cm	Cái	300	12,7	Hải Phòng
	Bộ chậu gốm có giá đỡ bằng gỗ trầm rừng trồng (50x 26x 10cm)	Bộ	330	10,2	Transimex
	Bộ chậu gốm có giá đỡ bằng gỗ trầm rừng trồng (46 x 21 x 19cm)	Bộ	330	8,5	Transimex
	Ấm trà bằng sứ, KT: 15.7x15.7x13 cm	Cái	300	6,7	Hải Phòng
	Bình sữa bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 11x11x19 cm	Cái	300	5,2	Hải Phòng
Chilê	Chậu gốm đất phèn, bộ 3; KT: 52X41; 40X29; 29X21 cm	Bộ	440	14,5	Cát Lái
	Chậu gốm đất phèn bộ 2, KT: 40X31; 30X23 cm	Bộ	1.440	6,0	Cát Lái
Hà Lan	Chậu trang trí bằng Gốm S/4, (D50/42/34/27,H55/47/38/30 cm)	Bộ	120	22,9	Cát Lái
	Chậu trang trí Gốm S/3(1bộ=3cái), (L,W51/34/25,H38/26/20 cm)	Bộ	72	20,4	Cát Lái
	Chậu gốm kt 24x43cm	Cái	110	11,0	Cái Mép
Hàn Quốc	Tượng gốm đất nung. Kích thước :32x26x91 cm	Cái	85	58,7	Cát Lái
	Sản phẩm trang trí (ngôi nhà) gốm đất nung 43x43x99 cm	Cái	20	55,2	Cát Lái
	Đĩa gốm đất nung. Kích thước :44x44x53 cm	Cái	28	23,9	Cát Lái
	Chậu cúp 56, đất nung, màu phèn trắng, KT 45x56cm	Bộ	36	15,6	Cát Lái
	Chậu vót trơn bóng (bộ 4), đất nung, màu nâu đen, 40x39, 30x29, 24x24, 17x17 cm	Bộ	90	11,1	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD/đvt)	Cảng, cửa khẩu
Hong Kong	Bình gốm D27H75cm	Cái	235	25,3	Cát Lái
	Bình gốm hai quai D21H60cm	Cái	240	11,7	Cát Lái
	Chậu gốm đất đỏ-chậu bầu bộ 4; D28-37-48-58cm	Bộ	480	7,2	Transimex
Mỹ	Chậu gốm (1 bộ = 5 cái), 76X66;58X50;47X41;38X34;29X27 cm	Bộ	24	155,2	Cát Lái
	Chậu gốm (1 bộ = 2 cái), Size: 58X97;46X81 cm	Bộ	25	145,7	Phước Long
	Chậu gốm (1 bộ = 3 cái), Size: 70X60;50X45;34X34 cm	Bộ	12	109,3	Cát Lái
	Thú trang trí bằng gốm (45x45)cm	Cái	18	60,1	Cát Lái
	Bát sơn mài cốt gốm, kích thước (69x21x11)cm	Cái	283	11,6	Tân Vũ
	Lọ sơn mài cốt gốm, kích thước (14x14x41)cm	Cái	60	9,0	Tân Vũ
	Lò củi bằng đất sét, chiều dài 12cm-30cm	Cái	191	4,0	Cát Lái
Na Uy	Chậu gốm (1 Bộ = 2 cái), Size: 55X68;37X46 cm	Bộ	20	83,2	Cát Lái
	Chậu gốm (1 Bộ = 3 cái), Size: 50X70;37X47;23X32 cm	Bộ	56	74,1	Cát Lái
New Zealand	Chậu Gốm S/5 (1 bộ = 5 cái), D56/45/38/30/23,H46/41/33/28/21 cm)	Bộ	184	22,0	Cát Lái
	Chậu gốm trang trí bộ 3 (D:37/30.5/23)cm;(H:32/25/19.5)cm	Bộ	1.080	20,5	Cát Lái
	Chậu Gốm S/4 (1bộ=4cái), (D54/42/30/21,H47/36/27/18 cm)	Bộ	136	19,5	Cát Lái
Nhật Bản	Chậu đất nung tròn lớn bộ 2. SIZE: (98x45/ 72x32) cm	Bộ	48	66,5	Cát Lái
	Chậu gốm Bộ 3 (50x48;38x38;28x28) cm	Bộ	16	34,8	Cát Lái
	Lọ hoa bằng sứ, KT: 17x17x35 cm	Cái	250	11,0	Hải Phòng
	Đĩa tròn D22 kt:W 22cm x H 2.8cm	Cái	400	4,2	Hải Phòng
Tây Ban Nha	Chậu đất nung bộ 6, kích thước (72X60) cm	Bộ	22	103,6	Cát Lái
	Chậu đất nung bộ 5, kích thước (56X48) cm	Bộ	32	54,6	Cát Lái
	Chậu gốm đất phèn, bộ 2: 56X98; 40X70 cm	Bộ	80	44,1	Cát Lái
	Chóe vai vuông có nắp S1 màu xanh dương/vàng, lục/vàng, nâu gụ/vàng điều 27 x27 x61.5cm	Cái	110	15,0	Lạch Huyện
	Lọ mặt tượng thon màu xanh 295C, mocha, xanh quân đội, nâu, vàng 25.5 x25.5 x50.5cm	Cái	200	14,5	Lạch Huyện

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Trung Quốc gia hạn miễn thuế đối với gỗ cứng nhập khẩu từ Mỹ đến tháng 4/2022

Theo Hội đồng Xuất khẩu Gỗ cứng Mỹ và Hiệp hội Gỗ cứng Mỹ (NHLM), việc miễn thuế đối với gỗ tròn và sản phẩm gỗ của Mỹ xuất khẩu tới Trung Quốc ban đầu dự kiến kết thúc vào ngày 17/9/2021, đã được gia hạn đến ngày 16/4/2022.

Trung Quốc đã áp dụng thuế quan đối với 65 sản phẩm nhập khẩu từ Mỹ vào tháng 5/2019 nhằm đáp trả lại mức thuế quan mà Mỹ áp lên hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc. Sau khi Trung Quốc và Mỹ ký thỏa thuận song phương sơ bộ chấm dứt căng thẳng thương mại, vào tháng 2/2020, Trung Quốc lần đầu tiên tuyên bố miễn thuế đối với 65 sản phẩm này. Trong số 65 sản phẩm bị áp thuế, có 7 mặt hàng là gỗ cứng và các sản phẩm từ gỗ, bao gồm gỗ tròn, gỗ sồi; gỗ anh đào, tần bì và các loại gỗ khác có độ dày trên 6 mm. Theo số liệu từ Bộ Nông nghiệp Mỹ, sau khi bắt đầu áp thuế, tổng giá trị xuất khẩu gỗ mềm và gỗ cứng của Mỹ sang Trung Quốc đã giảm 646 triệu USD trong 19 năm qua.

Đức tăng mạnh xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong 7 tháng đầu năm 2021

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Đức là thị trường xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ 5 thế giới, trong giai đoạn năm 2016 - 2020, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Đức tăng trưởng bình quân 1,1%/năm, với kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt 4,9 tỷ USD/năm.

Trong tháng 7/2021 xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Đức đạt 444,7 triệu USD, tăng 6,2% so với tháng 7/2020. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Đức đạt 3,4 tỷ USD, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2020.

Đức xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ chủ yếu tới các thị trường chính trong 7 tháng đầu năm như: Pháp, Thụy Sĩ, Áo và Hà Lan. Kim ngạch xuất khẩu tới 4 thị trường này chiếm 58,9% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Đức. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu tới Pháp đạt 682 triệu USD, tăng 49,4%; Thụy Sĩ đạt 479,6 triệu USD, tăng 19,1%; Áo đạt 456 triệu USD, tăng 35,1% và Hà Lan đạt 411,9 triệu USD, tăng 26,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Đức xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ tới các thị trường trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 7/2021 (nghìn USD)	So với tháng 7/2020 (%)	7 tháng đầu năm 2021 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	Tỷ trọng 7 tháng (%)	
					Năm 2021	Năm 2020
Tổng	444.688	6,2	3.444.790	32,0	100,0	100,0
Pháp	75.799	-0,5	682.227	49,4	19,8	17,5
Thụy Sĩ	61.635	-5,8	479.608	19,1	13,9	15,4
Áo	57.407	4,6	456.352	35,1	13,2	12,9
Hà Lan	53.018	22,4	411.855	26,8	12,0	12,4
Anh	35.178	39,2	221.400	48,7	6,4	5,7
Bỉ	24.384	-10,1	224.378	29,2	6,5	6,7
Mỹ	15.910	21,8	91.719	24,2	2,7	2,8
Italy	12.124	26,8	83.357	55,7	2,4	2,1
Trung Quốc	11.154	-22,8	81.855	11,3	2,4	2,8
Tây Ban Nha	10.577	-9,7	85.923	45,2	2,5	2,3
CH.Séc	7.568	-13,6	57.566	9,6	1,7	2,0
Ba Lan	7.309	21,7	60.733	48,2	1,8	1,6
Lúc xămbua	6.430	-11,2	52.276	19,6	1,5	1,7
Hàn Quốc	4.507	143,8	18.546	24,0	0,5	0,6

Nguồn: ITC

THAM KHẢO

Cảnh báo doanh nghiệp xuất khẩu về đối tác Benin tại Dubai

Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại Maroc, kiêm nhiệm Benin xin khuyến cáo các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam nói chung và xuất khẩu hàng đồ uống nói riêng thận trọng trong giao dịch với đối tác Benin tại Dubai sau đây, nhằm tránh rủi ro:

Tên Công ty: Hi-Profile International General Trading Co.

Tên GD: Hassabel.E Musa - Chairman. (Mr. Khalifa)

Địa chỉ: Dubai Airport Free Zone, Terminal 2

Tower 6W, Block A, Office 321

Email: hi-profile@rakfzbc.ae

hi-profile.comm@rakfzbc.ae

Tel/Whatsap : +971504635050

Consignee: SO. GE. COF

Địa chỉ: C/664 03 BP 2179 Sainte-Rita, Cotonou, Benin

Thanh toán qua đại lý:

1. Wdyan Al gharbia General Trading LLC Suit e no.903, business avenue building Deir a DUBAI UAE

Account agent: 0527255203 – Sharjah Islamic Bank

2. Good life trading LLC – PO Box 12219 Dubai UAE

Tel: 00971506263726

Account: 236102020001 – ADCB bank

Công ty Hi-Profile International General Trading Co do ông Khalifa trực tiếp giao dịch từ Dubai có biểu hiện không uy tín trong giao dịch nhập khẩu, trốn tránh trách nhiệm thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Hàng đến cảng đích, chịu chi phí kho bãi, trong khi đó doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam không thể liên hệ được với ông Khalifa, người trực tiếp thương thảo, ký hợp đồng, chuyển cọc...Ông này vẫn xem tin nhắn liên hệ của doanh nghiệp nhưng im lặng, không trả lời.

Cho đến nay, 01 công ty của Việt Nam đã gặp trục trặc do bán 02 công ten nơ nước tăng lực nhãn hiệu Buffalo Jungle cho Công ty này. Hàng đến cảng đã nhiều ngày, nhưng ông Khalifa không nhận hàng, không thanh toán tiền, đồng thời thông đồng với đầu Benin mở tờ khai hải quan, không thanh toán với mục đích giữ hàng (Công ty mang tên SO. GE. COF do một người tên là Coulibaly Fako liên hệ qua Tel/Whatsap : +22997910830)

Ngày khi nhận được đề nghị hỗ trợ, Thương vụ Ma-rốc đã giữ trao đổi thường xuyên với đại diện doanh nghiệp xuất khẩu và triển khai tất cả các biện pháp cần thiết bao gồm liên hệ với các cơ quan chức năng Benin như: Bộ Công Thương, Phòng Thương mại và Công nghiệp, liên hệ phối hợp với Thương vụ Việt Nam tại Dubai, nhất là liên hệ tới Cảng vụ, Hải quan Cảng Cotonou...nhằm thúc đẩy xử lý vụ việc.

Đồng thời, Thương vụ cũng giới thiệu đối tác giao nhận có uy tín tại Cảng Cotonou hỗ trợ Công ty Việt Nam về thủ tục nhằm đổi tên vận đơn gốc với mục đích

bán cho khách hàng khác. Tuy nhiên, quy định sở tại để làm thủ tục quay hàng về Việt Nam hoặc bán cho bên thứ ba cần có ý kiến của bên nhập khẩu, gây khó khăn cho xử lý vụ việc. Thương vụ cũng trực tiếp thuyết phục, gây sức ép nhưng các đối tượng không hợp tác. Trong trao đổi giữa hai bên doanh nghiệp, công ty Việt Nam thiện chí đề xuất không thu tiền 01 công hàng, nhưng đối tượng vẫn không chấp nhận.

Xét thấy đây là trường hợp nghiêm trọng, để tránh rủi ro cho các doanh nghiệp khác, Thương vụ ĐSQ Việt Nam tại Maroc, kiêm nhiệm Benin xin thông báo và khuyến cáo các hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam, nhất là ngành hàng đồ uống và các doanh nghiệp xuất khẩu đồ uống biết và không giao dịch với đối tác Benin tại Dubai nêu trên, tránh thiệt hại cho doanh nghiệp của nước ta.

Một lần nữa, Thương vụ Ma-rốc kêu gọi các doanh nghiệp xuất khẩu đặc biệt lưu ý tìm hiểu đầy đủ thông tin nhà nhập khẩu trước khi tiến hành giao dịch, bên cạnh các biện pháp giảm thiểu rủi ro khi xuất khẩu sang Benin và một số địa bàn Bắc Phi, Tây Phi như: cọc cao, xuất CIF, ghi tên bên xuất khẩu trên bill gốc, lưu ý về ngân hàng, phương thức thanh toán, hợp đồng giao nhận, hợp đồng qua trung gian...

Hướng dẫn nộp C/O để áp dụng mức thuế ưu đãi

Tổng cục Hải quan vừa hướng dẫn một số đơn vị hải quan địa phương thực hiện Nghị định 83/2021/NĐ-CP của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam và Campuchia giai đoạn 2021-2022.

Theo đó, về chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) để áp dụng mức thuế suất ưu đãi, Tổng cục Hải quan cho biết hàng hóa nhập khẩu để được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt trong khuôn khổ Hiệp định ASEAN – Trung Quốc người khai hải quan phải nộp C/O mẫu E và đáp ứng các quy định tại Nghị định số 153/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ.

Hàng hóa nhập khẩu để được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt trong khuôn khổ Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam và Campuchia giai đoạn 2021-2022 người khai hải quan phải nộp C/O mẫu S, đáp ứng quy định tại Nghị định số 83/2021/NĐ-CP.

Theo đó, khi thực hiện thủ tục hải quan, người khai hải quan có quyền lựa chọn thuế suất áp dụng theo thỏa thuận song phương Việt Nam-Campuchia hoặc theo Hiệp định ASEAN-Trung Quốc nếu đáp ứng các quy định tương ứng.

Về quản lý, theo dõi trừ lùi, Tổng cục Hải quan cho biết việc theo dõi trừ lùi những mặt hàng thuộc Phụ lục II Danh mục hàng hóa nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (HNTQ) ban hành kèm Nghị định số 83/2021/NĐ-CP tiếp tục thực hiện theo điểm 2 công văn số 5302/TCHQ-GSQL ngày 19/8/2019 của Tổng cục Hải quan.

Bên cạnh đó, Tổng cục Hải quan cũng yêu cầu các chi cục hải quan cửa khẩu thuộc Cục Hải quan các tỉnh: Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Gia Lai – Kon Tum, Đắk Lắk cử cán bộ đầu mối theo dõi hàng hóa và lượng hạn ngạch thuế quan, gửi thông tin về Cục Giám sát quản lý về Hải quan để theo dõi quản lý.

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **45/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 19 tháng 8 năm 2021

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**